TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bán án số: 06/2018/HNGĐ-ST
Ngày 31 - 01 - 2018
V/v Xin ly hôn có yếu tố nước ngoài

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đình Thi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ngọc Lương

Ông Hoàng Hữu Thịnh

- ***Thư ký phiên tòa****:* Ông Lâm Nguyễn Thanh Huy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa****:* Không tham gia.

Ngày 31 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2018/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2018 về việc xin ly hôn có yêu tố nước ngoài.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 04/2018/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Đỗ Thị Ngọc Y**, sinh năm: 1991 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 361 kp VH, thị trấn GR, huyện GR, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:* Anh **HSIEH YU H**, sinh năm: 1988 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 38, lộ TQ2, khóm 008, phường TQ, thị trấn LĐ, huyện NL, Đài Loan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Đỗ Thị Ngọc Y trình bày:

Vào khoảng đầu năm 2016, chị và anh HSIEH YU H quen biết nhau qua mai mối, quá trình tìm hiểu đã nảy sinh tình cảm và tiến đến hôn nhân. Anh chị có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân huyện GR, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 106 ngày 19/9/2016.

Sau khi kết hôn, anh H trở về Đài Loan để làm thủ tục bảo lãnh chị qua Đài Loan để cùng chung sống. Thời gian này, chị và anh H vẫn liên lạc với nhau bình thường, anh chị liên lạc với nhau được khoảng hai tháng thì không liên lạc được với nhau nữa. Mối quan hệ ngày càng tệ dần, anh chị ngày càng mâu thuẫn do xa cách và bất đồng ngôn ngữ.

Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên chị làm đơn này yêu cầu Tòa án giải quyết những việc sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị xin được ly hôn với anh HSIEH YU H.

Về quan hệ con chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh HSIEH YU H có ý kiến bằng văn bản đồng ý ly hôn với chị Đỗ Thị Ngọc Yến.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

XÉT THẤY:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh HSIEH YU H có văn bản thỏa thuận ly hôn với nguyên đơn chị Đỗ Thị Ngọc Y, văn bản được Văn phòng kinh tế - Văn hóa ĐB tại thành phố HCM chứng nhận hợp thức hóa lãnh sự, nên đảm bảo về mặt pháp lý. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bị đơn anh H.

[2] Về nội dung vụ án: Hôn nhân giữa chị Đỗ Thị Ngọc Y và anh H đã tuân thủ đúng các điều kiện kết hôn và đã đăng ký kết hôn tại Cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Do đó, căn cứ Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì đây là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Y vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh H, vì sau khi kết hôn vợ chồng sống chung không được bao lâu, thì anh H trở về Đài Loan, anh chị liên lạc với nhau được khoảng hai tháng thì không liên lạc được với nhau nữa. Mối quan hệ ngày càng tệ dần, anh chị ngày càng mâu thuẫn do xa cách và bất đồng ngôn ngữ. Do đó, chị nhận thấy cuộc hôn nhân này không hạnh phúc và không thể kéo dài.

Xét Văn bản đồng ý ly hôn của anh H, anh đã có lời khai thống nhất với chị Yến về quan hệ hôn nhân, tình cảm vợ chồng và xác định do cá tính không hợp, khó có thể chung sống với nhau đến bạc đầu, nếu cuộc hôn nhân này tiếp tục kéo dài chỉ gây đau khổ cho cả hai.

Về mặt pháp lý Văn bản thỏa thuận ly hôn giữa anh H với chị Y được Văn phòng kinh tế - Văn hóa ĐB tại thành phố HCM chứng nhận hợp thức hóa lãnh sự là đúng theo đúng quy định.

Hội đồng xét xử xét thấy, chị Y và anh H sau khi kết hôn thời gian chung sống không lâu, thì anh H trở về Đài Loan, hai vợ chồng không có điều kiện để quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Y và anh H không đảm bảo theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về tình nghĩa vợ chồng. Hội đồng xét xử có căn cứ để cho rằng hôn nhân giữa chị Y và anh H lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, hơn nữa cả hai người đều tự nguyện đồng ý ly hôn. Do đó, trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Y đối với anh H.

[3] Về quan hệ con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chị Đỗ Thị Ngọc Y phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 14, điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- *Phần tuyên xử:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Ngọc Y.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Ngọc Y được ly hôn với anh HSIEH YU H.

2. Về quan hệ con chung: Không yêu cầu, nên Tòa không xem xét.

3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu, nên Tòa không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Đỗ Thị Ngọc Y phải nộp 300.000 đồng, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị Yến đã nộp theo biên lai thu tiền án phí, lệ phí số 0001014 ngày 05 tháng 01 năm 2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

Báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng HSIEH YU H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (một) tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- THA dân sự tỉnh Kiên Giang;
- UBND huyện GR;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Phạm Đình Thi